

Số: 32 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức, phân bổ số lượng, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung; số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; số 153/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP;

Thực hiện Kết luận số 66-KL/TU ngày 04/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 24;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 333/TTr-STC ngày 16 tháng 01 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3449/BC-STP ngày 20 tháng 11 năm 2025; Thông báo số 177/TB-UBND ngày 08/4/2026 về kết luận họp tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 08 tháng 4 năm 2026; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phiếu biểu quyết);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức, phân bổ số lượng, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung; số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số nội dung tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, gồm:

a) Xác định và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

b) Quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, từng tổ chức chính trị - xã hội; từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; từng xã, phường (bao gồm Đảng ủy xã, phường) theo quy định tại tiết b5 điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

c) Quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

d) Quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14a Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

2. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy (không bao gồm Đảng ủy cấp xã) do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định theo quy định tại tiết b4 điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

3. Những nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức, phân bổ số lượng, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh); từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc UBND tỉnh; từng xã, phường (bao gồm Đảng ủy cấp xã, phường) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh được xác định, phân bổ và công bố chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Riêng Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được trang bị 01 xe ô tô có công suất lớn/mỗi đơn vị trong số xe ô tô phục vụ công tác chung được phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của tỉnh (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

2. UBND tỉnh quyết định điều chỉnh số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đã được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại điểm 1 khoản này trong trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu sử dụng trong thực tiễn, bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo tiêu chuẩn định mức theo quy định tại tiết b6 điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp.

Điều 4. Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù

1. Ngoài số xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này, các cơ quan, đơn vị được trang bị thêm số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung để thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết

bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Căn cứ vào số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được phân bổ tại Điều 3 Quyết định này, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô để quản lý, sử dụng theo đúng quy định; chủ động bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho các lái xe theo quy định, phối hợp Sở Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Căn cứ vào số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung quy định tại Điều 4 Quyết định này, tình trạng hiện có và nhu cầu cần thiết trang bị, các cơ quan, đơn vị dự toán kinh phí mua sắm, tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan. Xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung theo quy định nhằm đảm bảo sử dụng xe đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức, số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung, thẩm quyền khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTr HĐND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH₅.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Huy Thành

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC VÀ PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
(Kèm theo Quyết định số: 32/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xác định theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP				Số lượng xe được phân bổ	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			Theo quy định chung	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về diện tích của tỉnh	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về đơn vị hành chính cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(3a)	(3b)	(3c)	(4)	(5)
	TỔNG CỘNG:	361	342	2	17	294	
A	CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH	223	204	2	17	156	
I	Các Văn phòng cấp tỉnh	15	11	2	2	17	
1	Văn phòng UBND tỉnh	8	6	1	1	9	
1.1	Văn phòng UBND tỉnh	7	5	1	1	8	Bổ sung 01 xe để đáp ứng yêu cầu công tác
1.2	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh	1	1	0	0	1	
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	7	5	1	1	8	Bổ sung 01 xe để đáp ứng yêu cầu công tác
II	Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh)	192	177	0	15	122	
1	Sở Tài chính	5	4	0	1	5	
1.1	Văn phòng Sở Tài chính	4	3	0	1	4	
1.2	Trung tâm Dịch vụ tài chính và Hỗ trợ doanh nghiệp	1	1	0	0	1	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	28	27	0	1	26	
2.1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	4	3	0	1	4	
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường						
	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh						
2.2	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	2	2	0	0	2	
2.3	Chi cục Thủy lợi	1	1	0	0	1	
2.4	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	1	1	0	0	1	
2.5	Chi cục Kiểm lâm	4	4	0	0	4	
2.6	Chi cục Thủy sản	1	1	0	0	1	
2.7	Trung tâm Khuyến nông	1	1	0	0	1	
2.8	Trung tâm Kỹ thuật địa chính và điều tra nông nghiệp	1	1	0	0	1	
2.9	Ban Quản lý các Cảng cá và Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá	1	1	0	0	1	
2.10	Vườn Quốc gia Vũ Quang	2	2	0	0	1	
2.11	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gỗ	2	2	0	0	1	
2.12	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê	1	1	0	0	1	
2.13	Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Ngàn Phố	1	1	0	0	1	
2.14	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
2.15	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	1	1	0	0	1	
2.16	Văn phòng Đăng ký đất đai	3	3	0	0	3	
2.17	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	1	1	0	0	1	
3	Sở Y tế	50	49	0	1	37	
3.1	Văn phòng Sở Y tế (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	4	3	0	1	4	
	Văn phòng Sở Y tế						
	Chi cục Dân số						
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm						
	Trung tâm Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh						
3.2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	5	5	0	0	3	
3.3	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh	2	2	0	0	2	
3.4	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	2	2	0	0	2	
3.5	Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
3.6	Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh	3	3	0	0	3	
3.7	Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà	2	2	0	0	2	

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xác định theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP				Số lượng xe được phân bổ	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			Theo quy định chung	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về diện tích của tỉnh	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về đơn vị hành chính cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(3a)	(3b)	(3c)	(4)	(5)
3.8	Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
3.9	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh	2	2	0	0	2	
3.10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	2	2	0	0	2	
3.11	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm	1	1	0	0	1	
3.12	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	1	1	0	0	1	
3.13	Trung tâm Y tế Kỳ Anh	1	1	0	0	1	
3.14	Trung tâm Y tế Hồng Lĩnh	2	2	0	0	1	
3.15	Trung tâm Y tế Can Lộc	2	2	0	0	1	
3.16	Trung tâm Y tế Đức Thọ	2	2	0	0	1	
3.17	Trung tâm Y tế Tiên Điền	2	2	0	0	1	
3.18	Trung tâm Y tế Vũ Quang	2	2	0	0	1	
3.19	Trung tâm Y tế Cẩm Xuyên	2	2	0	0	1	
3.20	Trung tâm Y tế Thạch Hà	2	2	0	0	1	
3.21	Trung tâm Y tế Thành Sen	3	3	0	0	1	
3.22	Trung tâm Y tế Hương Khê	2	2	0	0	1	
3.23	Trung tâm Y tế Hương Sơn	2	2	0	0	1	
3.24	Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	1	1	0	0	1	
3.25	Làng Trẻ em mồ côi Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
4	Sở Xây dựng	6	5	0	1	6	
4.1	Văn phòng Sở Xây dựng (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	4	3	0	1	4	
	Văn phòng Sở Xây dựng						
	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh						
	Ban Quản lý Bến xe khách Hà Tĩnh						
4.2	Viện Quy hoạch - Kiến trúc, xây dựng Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
4.3	Trung tâm Quản lý bảo trì hạ tầng giao thông Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
5	Sở Nội vụ	6	5	0	1	6	
5.1	Văn phòng Sở Nội vụ (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	3	2	0	1	3	
	Văn phòng Sở Nội vụ						
	Ban Dân tộc - Tôn giáo						
5.2	Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội	1	1	0	0	1	
5.3	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1	1	0	0	1	
5.4	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	1	1	0	0	1	
6	Sở Ngoại vụ	2	1	0	1	2	
6.1	Văn phòng Sở Ngoại vụ (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	2	1	0	1	2	
	Văn phòng Sở Ngoại vụ						
	Trung tâm Dịch thuật - Dịch vụ Đối ngoại						
7	Sở Công Thương	4	3	0	1	4	
7.1	Văn phòng Sở Công Thương (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	3	2	0	1	3	
	Văn phòng Sở Công Thương						
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại						
7.2	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh	1	1	0	0	1	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8	7	0	1	8	
8.1	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	4	3	0	1	4	
	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch						
	Bảo tàng Hà Tĩnh						
	Ban Quản lý di tích Nguyễn Du						
	Ban Quản lý di tích Trần Phú						

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xác định theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP				Số lượng xe được phân bổ	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			Theo quy định chung	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về diện tích của tỉnh	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về đơn vị hành chính cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(3a)	(3b)	(3c)	(4)	(5)
	Ban Quản lý di tích Cổ Tổng Bí thư Hà Huy Tập						
8.2	Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Xúc tiến du lịch tỉnh	1	1	0	0	1	
8.3	Thư viện tỉnh	1	1	0	0	1	
8.4	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
8.5	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	1	1	0	0	1	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	5	4	0	1	5	
9.1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	3	2	0	1	3	
9.2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	1	1	0	0	1	
9.3	Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số	1	1	0	0	1	
10	Sở Tư pháp	3	2	0	1	3	
10.1	Văn phòng Sở Tư pháp (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	3	2	0	1	3	
	Văn phòng Sở Tư pháp						
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Hà Tĩnh						
	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh						
	Phòng Công chứng số 1						
	Phòng Công chứng số 2						
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	60	59	0	1	5	Các Trường THPT, Trường Trung cấp chưa phân bổ xe
11.1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	5	4	0	1	5	
	Văn phòng Sở						
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh						
	Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Xuyên						
	Trung tâm GDNN - GDTX Đức Thọ						
	Trung tâm GDNN - GDTX Hương Khê						
	Trung tâm GDNN - GDTX Kỳ Anh						
	Trường Trung cấp nghề Lý Tự Trọng						
11.2	Trường THPT Kỳ Anh	2	2	0	0	0	
11.3	Trường THPT Kỳ Lâm	1	1	0	0	0	
11.4	Trường THPT Lê Quảng Chí	1	1	0	0	0	
11.5	Trường THPT Nguyễn Huệ	2	2	0	0	0	
11.6	Trường THPT Nguyễn Thị Bích Châu	1	1	0	0	0	
11.7	Trường THPT Cẩm Xuyên	1	1	0	0	0	
11.8	Trường THPT Hà Huy Tập	1	1	0	0	0	
11.9	Trường THPT Cẩm Bình	2	2	0	0	0	
11.10	Trường THPT Nguyễn Đình Liễn	1	1	0	0	0	
11.11	Trường THPT Phan Đình Phùng	2	2	0	0	0	
11.12	Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh	2	2	0	0	0	
11.13	Trường THPT Thành Sen	1	1	0	0	0	
11.14	Trường THPT Lý Tự Trọng	2	2	0	0	0	
11.15	Trường THPT Lê Quý Đôn	1	1	0	0	0	
11.16	Trường THPT Nguyễn Trung Thiên	1	1	0	0	0	
11.17	Trường THPT Can Lộc	1	1	0	0	0	
11.18	Trường THPT Đồng Lộc	1	1	0	0	0	
11.19	Trường THPT Nghèn	2	2	0	0	0	
11.20	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1	1	0	0	0	
11.21	Trường THPT Mai Thúc Loan	1	1	0	0	0	
11.22	Trường THPT Nguyễn Đồng Chi	1	1	0	0	0	
11.23	Trường THPT Hương Khê	2	2	0	0	0	
11.24	Trường THPT Phúc Trạch	1	1	0	0	0	
11.25	Trường THPT Hàm Nghi	1	1	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xác định theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP				Số lượng xe được phân bổ	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			Theo quy định chung	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về diện tích của tỉnh	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về đơn vị hành chính cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(3a)	(3b)	(3c)	(4)	(5)
11.26	Trường THPT Vũ Quang	1	1	0	0	0	
11.27	Trường THPT Cù Huy Cận	1	1	0	0	0	
11.28	Trường THPT Hương Sơn	1	1	0	0	0	
11.29	Trường THPT Cao Thắng	1	1	0	0	0	
11.30	Trường THPT Lê Hữu Trác	1	1	0	0	0	
11.31	Trường THPT Lý Chính Thắng	1	1	0	0	0	
11.32	Trường THPT Đức Thọ	1	1	0	0	0	
11.33	Trường THPT Minh Khai	2	2	0	0	0	
11.34	Trường THPT Trần Phú	1	1	0	0	0	
11.35	Trường THPT Hồng Lĩnh	2	2	0	0	0	
11.36	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	1	1	0	0	0	
11.37	Trường THPT Nguyễn Du	1	1	0	0	0	
11.38	Trường THPT Nghi Xuân	1	1	0	0	0	
11.39	Trường THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh	1	1	0	0	0	
11.42	Trung tâm GDNN - GDTX Thạch Hà	1	1	0	0	0	
11.43	Trung tâm GDNN - GDTX Can Lộc	1	1	0	0	0	
11.44	Trung tâm GDNN - GDTX Nghi Xuân	1	1	0	0	0	
11.45	Trung tâm GDNN - GDTX Hương Sơn	1	1	0	0	0	
11.46	Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh	2	2	0	0	0	
11.47	Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh	1	1	0	0	0	
12	Thanh tra tỉnh	4	3	0	1	4	
13	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	4	3	0	1	4	
13.1	Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	3	2	0	1	3	
13.2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	
14	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	2	1	0	1	1	Chi phân bổ 01 xe do biên chế dưới 20 người
15	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	5	4	0	1	6	
15.1	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm biên chế các đơn vị trực thuộc dưới 20 người)	5	4	0	1	6	Bổ sung 01 xe để đáp ứng yêu cầu công tác
	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh						
	Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh						
	Ban Quản lý KDT Ngã ba Đồng Lộc và KTN Lý Tự Trọng						
	Tổng đội TNXP-XDKT vùng kinh tế mới Tây Sơn						
	Tổng đội TNXP-XDKT vùng kinh tế mới Phúc Trạch						
	Trung tâm Hướng nghiệp và phát triển kinh tế thủy sản TNXP Hà Tĩnh						
	Trung tâm Hỗ trợ nông dân						
III	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (trừ đơn vị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)	10	10	0	0	11	
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	1	1	0	0	2	Bổ sung 01 xe để đáp ứng yêu cầu công tác
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh	3	3	0	0	3	
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1	0	0	1	
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh	3	3	0	0	3	
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh	2	2	0	0	2	
IV	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	6	6	0	0	6	
1	Trường Đại học Hà Tĩnh	2	2	0	0	2	
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh	1	1	0	0	1	

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xác định theo Nghị định số 153/2025/NĐ-CP				Số lượng xe được phân bổ	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				
			Theo quy định chung	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về diện tích của tỉnh	Bổ sung theo quy định đối với yếu tố đặc thù về đơn vị hành chính cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(3a)	(3b)	(3c)	(4)	(5)
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh	2	2	0	0	2	
4	Trường Cao đẳng Nguyễn Du	1	1	0	0	1	
B	CẤP XÃ (69 xã, phường, tối đa 02 xe/xã, phường)	138	138	0	0	138	Văn phòng Đảng ủy cấp xã: 01 xe/đơn vị; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã: 01 xe/đơn vị

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12-16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM LÂM, PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TRONG NÔNG NGHIỆP, TUẦN TRA BIÊN GIỚI, PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG, BẢO TRỢ XÃ HỘI, PHÂN GIỚI CẨM MỘC, ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN, VẬN CHUYỂN MÁY MÓC, THIẾT BỊ, MẪU THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 8 NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số: 32/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<u>TỔNG CỘNG:</u>		<u>25</u>		
1	Sở Công Thương		3		
1.1	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh	Xe ô tô bán tải	3	Thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường		22		
2.1	Chi cục Thủy sản	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp (lĩnh vực thủy sản); quan trắc môi trường	
2.2	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật)	
2.3	Chi cục Kiểm lâm				
2.3.1	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Xe ô tô từ 12-16 chỗ	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.2	Đội Kiểm lâm Cơ động, Phòng cháy chữa cháy rừng	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.3	Hạt Kiểm lâm Vũ Quang	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.4	Hạt Kiểm lâm Hương Khê	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.5	Hạt Kiểm lâm Hương Sơn	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.6	Hạt Kiểm lâm Can Lộc	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.7	Hạt Kiểm lâm Hoành Sơn	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.8	Hạt Kiểm lâm Thạch Hà	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.9	Hạt Kiểm lâm Nghi Xuân - Hồng Lĩnh	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.10	Hạt Kiểm lâm Cẩm Xuyên	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	

STT	Cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.3.11	Hạt Kiểm lâm Kỳ Anh	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.3.12	Hạt Kiểm lâm Đức Thọ	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2.4	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gỗ	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng	
2.5	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng	
2.6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng	
2.7	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê	Xe ô tô bán tải	2	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng	
2.8	Ban Quản lý rừng phòng hộ Ngân Phố	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng	
2.9	Vườn Quốc gia Vũ Quang	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng (Vườn Quốc gia Vũ Quang có Hạt kiểm lâm trực thuộc)	
2.10	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản	